TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2019/DS - ST
Ngày: 18- 6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Nguyễn Quang Kim
Ông Hoàng Văn Tấn
- Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-DS ngày 22/6/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST- DS ngày 08/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang
Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Vũ Thị L, sinh năm 1977 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang
Chị L ủy quyền cho anh Nguyễn Tiến Q tham gia tố tụng trong vụ án. (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn - anh Nguyễn Tiến Q trình bày:

Anh có quan hệ quen biết với ông Trần Văn T, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ngày 30/01/2018, ông T đến nhà anh hỏi vay tiền anh với mục đích làm ăn kinh tế. Anh đồng ý cho ông T vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Hai bên thống nhất, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 05/02/2018; lãi suất cho vay: 1%/tháng, không có tài sản bảo đảm cho khoản vay. Hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền và ông T đã ký xác nhận mục người vay như tài

liệu anh đã cung cấp cho Tòa án. Đến hạn trả nợ, anh gọi điện yêu cầu ông T phải thanh toán số nợ trên nhưng ông T không trả mà khất hẹn nhiều lần. Đến nay, anh không liên lạc được với ông T. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả vợ chồng anh số tiền vay là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và anh không yêu cầu tính lãi suất. Việc anh cho ông T vay tiền thì vợ anh là chị Vũ Thị L có biết và số tiền cho ông T vay anh xác định đây là tài sản chung của vợ chồng anh. Anh xác định việc ông T vay anh tiền không liên quan gì đến vợ ông T nên anh chỉ yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh.

Bị đơn – ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị Vũ Thị L có lời khai trình bày trong hồ sơ như sau: Chị là vợ anh Nguyễn Tiến Q (nguyên đơn trong vụ án).Chị có biết việc anh Q cho ông Trần Văn T, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang vay số tiền là 30.000.000 đồng. Chị xác định số tiền này là tài sản chung của vợ chồng chị. Nay chị đồng ý với ý kiến của anh Q. Đồng thời chị có văn bản ủy quyền toàn bộ cho anh Q tham gia tố tụng vụ án này. Vì lý do bận công việc nên chị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Tiến Q vẫn giữ nguyên quan điểm nhận ủy quyền của chị Vũ Thị L tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Anh không yêu cầu tính lãi suất cho vay. Đối với lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì anh yêu cầu ông T phải chịu theo quy định của pháp luật vì anh Q xác định anh và ông T không thỏa thuận được về vấn đề này. Ngoài ra, anh Q xác định việc vay nợ này không liên quan gì đến vợ của ông T vì cá nhân ông T trực tiếp vay anh còn ông T nói vay để làm ăn kinh tế thì vợ ông T có biết hay không anh không nắm được nên anh chỉ buộc ông T phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh.

Ông Trần Văn T từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, ông T không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập, thông báo phiên họp, phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị L) đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Q, buộc bị đơn là ông Trần Văn T phải trả vợ chồng anh Q, chị L số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Anh Q không yêu cầu tính lãi suất cho vay nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Ông T phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Tiến Q số tiền 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn (ông Trần Văn T) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, song đến ngày mở phiên tòa ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Văn T ký vào giấy biên nhận vay tiền ngày 30/1/2018 để vay anh Nguyễn Tiến Q số tiền 30.000.000 đồng. Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Q khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T phải trả số tiền 30.000.000 đồng:

Căn cứ vào lời khai của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Do có mối quan hệ quen biết nhau, ngày 30/1/2018, ông Trần Văn T đến nhà anh Nguyễn Tiến Q để vay anh Q tiền. Hai bên có làm giấy biên nhận vay tiền. Nội dung thỏa thuận: số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay: từ ngày 30/1/2018 đến ngày 05/2/2018, "lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng:……", khi vay không có tài sản bảo đảm cho khoản vay. Ông T nhất trí ký tên vào giấy biên nhận vay tiền này. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, anh Q đã nhiều lần yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T không trả mà khất nợ nhiều lần. Đây được xác định là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, không thỏa thuận lãi vì vậy bên cho vay là anh Nguyễn Tiến Q có quyền đòi lại tài sản khi đến hạn và bên vay tức ông Trần Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn như đã thỏa thuận. Giấy cho vay tiền hai bên giao kết là phù hợp với các Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Sau khi thỏa thuận, anh Nguyễn Tiến Q đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao tiền cho bên vay là ông Trần

Văn T. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, anh Q đã cung cấp các chứng cứ tài liệu là giấy biên nhận vay tiền (bản gốc) cho Tòa án.

Đối với bị đơn – ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để làm việc. Cán bộ Tòa án cũng tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thôn Hoàng Mai 1 – trưởng thôn là ông Đỗ Xuân M cho biết hiện ông T vẫn đang sinh sống tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ông T đi làm cả ngày nên thường không có nhà đến tối muộn mới về nhà. Cán bộ Tòa án đã nhờ trưởng thôn giao trực tiếp các giấy tờ cho ông T và làm thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật để thông báo ông T đến Tòa án làm việc nhưng ông T không đến. Có thể thấy, ông T đã không thiện chí hòa giải cũng như từ chối khai báo nội dung liên quan đến việc khởi kiện của anh Q. Có đủ cơ sở xác định ông T đã nhận tiền vay theo như giấy biên nhận vay tiền ngày 30/1/2018 và chưa thanh toán cho anh Q bất cứ khoản tiền nào. Như vậy, bên cho vay là anh Q đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay và phù hợp với Điều 473 Bộ luật dân sự, nên cần được bảo vệ. Ngoài ra, anh Q xác định việc vay nợ giữa anh và ông T không liên quan gì đến vợ của ông T vì cá nhân ông T trực tiếp vay anh còn ông T nói vay để làm ăn kinh tế thì vợ ông T có biết hay không anh không nắm được nên anh chỉ buộc ông T phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi thực hiện việc cho vay tiền theo giấy biên nhận vay tiền thì hai bên thống nhất thời hạn trả nợ từ ngày 30/1/2018 đến 05/2/2018. Đến hạn trả nợ, ông T không trả được nợ nên đã vi phạm các thỏa thuận mà hai bên giao kết. Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Tiến Q đều xác định số tiền anh Q cho ông T vay là tài sản chung của vợ chồng. Việc anh Q cho ông T vay tiền chị L có biết. Do vậy, yêu cầu của anh Q buộc ông T có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền vay 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Anh Q xác định anh và ông T không thỏa thuận được về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tiền lãi: Tại giấy biên nhận vay tiền chỉ thể hiện "lãi suất thỏa thuận theo Ngân hàng:……" thể hiện cả anh Q và ông T đều không thỏa thuận cụ thể lãi suất là bao nhiêu. Đây là hợp đồng vay tài sản không thỏa thuận về lãi suất. Tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Q tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Đối với lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì anh yêu cầu ông T phải chịu theo quy định của pháp luật vì anh xác định anh và ông T không thỏa thuận được về vấn đề này là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu của anh Q được chấp nhận nên bị đơn là ông Trần Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại anh Nguyễn Tiến Q tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên là có căn cứ.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91,Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Q buộc ông Trần Văn T phải trả vợ chồng anh Q, chị L tổng số tiền là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Nguyễn Tiến Q số tiền 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05011 ngày 22/6/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Trung Thông